

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TÂY NINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 38/2020/HS-ST
Ngày: 08-6-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa : Ông Nguyễn Quốc Hùng

Các Hội thẩm nhân dân :

1. Ông Hoàng Đình Ngân;
2. Ông Nguyễn Văn Vân.

Thư ký phiên tòa : Bà Nguyễn Thị Lan- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa : Bà Lê Thị Xuân Lai- Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 34/2020/HSST ngày 27 tháng 4 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2020/QĐXXST-HS ngày 27-5-2020 đối với các bị cáo:

1. **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1980, tại Long An.

Nơi cư trú: Ấp 5, xã MB, huyện ĐH, tỉnh Long An; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa (học vấn): Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn V và bà Trần Thị K (chết); vợ là Nguyễn Thị L (đã ly hôn), con có 01 người; tiền án: Tại bản án số 56/2018/HSST ngày 16-3-2018 của TAND thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xử phạt 01 năm tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, đã chấp hành xong án phạt tù vào ngày 19-10-2018 (chưa được xóa án tích); tiền sự: không; về nhân thân: Tại bản án số 87/2013/HSST ngày 15-7-2013 của TAND huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh xử phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, đã chấp hành xong án phạt tù vào ngày 25-4-2014 (đã được xóa án tích).

Bị cáo bị tạm giữ ngày 13-01-2020, tạm giam từ ngày 16-01-2020 cho đến nay.(có mặt)

2. **Lê Thành N** (tên gọi khác: Tủng), sinh năm 1991, tại Tây Ninh.

Nơi cư trú: Khu phố 2, Phường 1, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Làm mướn; trình độ văn hóa (học vấn): 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn

giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn Nh và bà Lê Thị Ch; vợ: Lê Thị H (đã ly hôn), con: chưa có; tiền án: Không; tiền sự: Tại QĐ số 29/QĐ-TA ngày 23-3-2018 của TAND thành phố Tây Ninh áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời gian 15 tháng, đã chấp hành xong ngày 28-6-2019.

Bị cáo bị tạm giữ ngày 13-01-2020, tạm giam từ ngày 16-01-2020 cho đến nay.(có mặt)

Bị hại:

1. Nguyễn Văn T, sinh năm 1967; trú tại: Ấp PT, xã PV, huyện CT, tỉnh Tây Ninh.(có đơn xin vắng mặt)

2. Phạm Thị M, sinh năm 1977; trú tại: Ấp Chiến Thắng, xã ĐA, huyện DT, tỉnh Bình Dương. (có đơn xin vắng mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Nguyễn Ngọc Th, sinh năm 1994, Người đại diện theo ủy quyền của chị Thê là Nguyễn Ngọc Gi, sinh năm 1993; cùng trú tại: Ấp TP, xã BT, huyện CT, tỉnh An Giang.(có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn T và Lê Thành Nghĩa không có nghề nghiệp ổn định, muốn có tiền tiêu xài nên vào ngày 12-01-2020, T rủ Nghĩa đi tìm xe mô tô để trộm bán lấy tiền chia nhau tiêu xài thì Nghĩa đồng ý. Trước khi đi, T chuẩn bị cây đoản tự chế bằng kim loại và một cây gậy 3 khúc, Nghĩa chuẩn bị phương tiện xe mô tô để chở T và cảnh giới cho T thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Khoảng 05 giờ 30 phút ngày 13-01-2020, Nghĩa điều khiển xe mô tô biển số 67C1-160.81 mượn của chị Nguyễn Ngọc Giàu, sinh năm 1993, ngụ ấp Thạnh Phú, xã Bình Thạnh, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang chở T đi về hướng xã Phước Vinh, mục đích nhằm lợi dụng khu vực vắng vẻ để tìm xe của những người đi ruộng không trông coi để lấy trộm. Khi đến khu vực ấp Phước Thạnh, xã Phước Vinh thì cả hai phát hiện 01 chiếc xe honda Future FI, biển số 70D1-485.28 của ông Nguyễn Văn Tài, sinh năm 1967, ngụ ấp Phước Thạnh, xã Phước Vinh, huyện Châu Thành đang để cặp bờ ruộng không có người trông coi, Nghĩa chở T đến gần xe mô tô trên, T xuống xe đi đến mở chìa khóa cắm sẵn trên xe rồi nổ máy điều khiển xe mô tô bỏ chạy. Lúc này, ông Tài phát hiện và truy hô, Nghĩa và T bị người dân đi đường bắt giữ.

Quá trình điều tra, T và Nghĩa khai nhận đã cùng nhau thực hiện 01 vụ trộm cắp tài sản xe mô tô trên địa bàn huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương. Cụ thể như sau:

Với cách thức thực hiện hành vi phạm tội như vụ trộm ngày 13-01-2020, khoảng 01 giờ ngày 20-12-2019, Nghĩa cũng điều khiển xe mô tô biển số 67C1-160.81 chở T đi về hướng huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tìm xe để trộm. Khi

đi đến đoạn đường ĐT 744 hướng về xã Minh Hòa thì cả hai phát hiện ánh sáng đèn pin phát ra từ cây số 19, lô cao su D7 thuộc Nông trường Cao su của Trần Văn Lưu thuộc ấp Định Lộc, xã Định Hiệp, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương. T kêu Nghĩa dừng xe ở ngoài cánh giới để T đi bộ vào trong lô cao su dùng đoạn bẻ khóa cổ xe honda Wave RSX, biển số 61H1-301.02 của bà Phạm Thị Minh, sinh năm 1977, ngụ ấp Chiến Thắng, xã Định An, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương. Sau khi lấy trộm được xe T nổ máy điều khiển về Long An, sau đó mang sang Campuchia bán cho một người đàn ông không rõ nhân thân lại lịch được 3.500.000 đồng, sau khi bán xong T về chia cho Nghĩa 1.500.000 đồng, số tiền còn lại tiêu xài hết.

Tại kết luận định giá số 02 ngày 20-01-2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh kết luận: Xe mô tô nhãn hiệu Honda Future FI, biển số 70D1-485.28 có giá **20.000.000** đồng.

Tại kết luận định giá số 08 ngày 19-02-2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương kết luận: Xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave RSX, màu đỏ-đen, biển số 60H1-301.02 có giá **11.000.000** đồng.

Quá trình điều tra, các bị can thành khẩn khai báo toàn bộ hành vi phạm của mình.

Tại bản cáo trạng số: 40/QĐ-KSĐT ngày 24 tháng 4 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn T, Lê Thành Nghĩa về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Tại phiên toà, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành trong phần tranh luận **đã giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo** T và Nghĩa về tội danh nêu trên, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm r, s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm r, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Lê Thành Nghĩa từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù.

Xét thấy các bị cáo không có tài sản riêng, không có thu nhập ổn định nên đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử buộc các bị cáo liên đới bồi thường cho bị hại và xử lý vật chứng theo quy định pháp luật.

Bị cáo T và Nghĩa tự bào chữa: các bị cáo không có ý kiến gì bào chữa cho mình.

Bị cáo T và Nghĩa nói lời nói sau cùng: các bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm trở về với gia đình và có cơ hội làm một công dân tốt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị hại Nguyễn Văn Tài và Phạm Thị Minh có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và lời khai đã có đầy đủ trong hồ sơ, việc xét xử vắng mặt các bị hại không ảnh hưởng đến nội dung vụ án nên bị cáo và đại diện Viện kiểm sát đề nghị xét xử vắng mặt bị hại. Căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Thành, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không và người có quyền, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Về tội danh: Trong quá trình điều tra, cũng như tại phiên tòa, bị cáo T và Nghĩa đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Do muốn có tiền tiêu xài nên bị cáo T rủ bị cáo Nghĩa đi trộm xe của người khác bán để lấy tiền tiêu xài và bị cáo Nghĩa đồng ý, các bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện.

Xét lời khai nhận của bị cáo T và Nghĩa phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản vụ việc, vật chứng, kết luận định giá tài sản cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Các bị cáo đã nhiều lần xâm phạm đến tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật hình sự bảo vệ nên các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo T và Nghĩa phạm tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Vụ án mang tính chất ít nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo T và Nghĩa tuy có đồng phạm nhưng mang tính chất giản đơn. Bị cáo T là người rủ rê và trực tiếp thực hiện tội phạm 02 lần. Bị cáo T có tiền án về tội xâm phạm sở hữu nhưng chưa được xóa án tích, nay lại tiếp tục phạm tội là tái phạm.

Bị cáo Nghĩa với vai trò là đồng phạm giúp sức, cảnh giới cho bị cáo T 02 lần thực hiện tội phạm. Bị cáo Nghĩa từng có một tiền sự về việc đưa đi cai nghiện bắt buộc, đến ngày phạm tội chưa đến thời hạn được xóa tiền sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy cần xử phạt bị cáo T và Nghĩa một mức án tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo, cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[3] Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, xét thấy bị cáo T và Nghĩa thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải; Các bị cáo đã

tự thú về hành vi phạm tội trước đó của mình. Đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm r, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự sẽ được Hội đồng xét xử xem xét khi áp dụng hình phạt đối các bị cáo.

Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo thực hiện trộm cắp tài sản của người khác 02 lần liên tiếp; Bị cáo T đã bị kết án, chưa được xóa án tích mà thực hiện hành vi phạm tội do cố ý là tái phạm. Đây là các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g, h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự sẽ được Hội đồng xét xử xem xét khi áp dụng hình phạt đối với từng bị cáo.

Xét thấy bị cáo T và Nghĩa không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[4] Về biện pháp tư pháp: Căn cứ các Điều 46 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử xử lý vật chứng như sau:

Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa chị Minh yêu cầu các bị cáo bồi thường giá trị xe mà các bị cáo đã lấy trộm là 11.000.000 đồng theo giá hội đồng định giá đã định. Tại phiên tòa, các bị cáo đồng ý liên đới bồi thường như chị Minh yêu cầu nên ghi nhận.

Về vật chứng:

- 01 (một) xe mô tô hiệu Honda Future F1, biển số 70D1-485.28, đã qua sử dụng. Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại cho bị hại Nguyễn Văn Tài, anh Tài đã nhận lại tài sản và không yêu cầu gì khác nên ghi nhận.

- 01 (một) xe mô tô hiệu Honda Lead, số khung 0030310, số máy 021378, biển số 67C1-160.81, đã qua sử dụng của chị Nguyễn Ngọc Thê, bị cáo Nghĩa mượn xe này từ chị Nguyễn Ngọc Giàu (là chị của chị Thê) để phung tiếm phạm tội nhưng chị Thê và chị Giàu không biết nên trả lại cho chị Thê.

- 01 (một) cây đoản tự chế bằng kim loại, một đầu đẹp và 01 (một) gậy 03 khúc, đây là vật dùng vào việc phạm tội nhưng không có giá trị sử dụng nên tiêu hủy.

- 01 (một) điện thoại di động LV102, màu xanh đen, số Imel: 842017102056633 đã qua sử dụng, là tài sản cá nhân của bị cáo Nghĩa nên trả lại cho bị cáo.

[5] Các Bị cáo, mỗi người phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và bị cáo T, bị cáo Nghĩa mỗi người phải chịu 275.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo **Nguyễn Văn T và Lê Thành Nghĩa** phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm r, s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52 và Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày **13-01-2020 (ngày tạm giữ)**.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm r, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Lê Thành Nghĩa 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 13-01-2020 (ngày tạm giữ).

3. Về biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 46 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo T và bị cáo Nghĩa có trách nhiệm liên đới bồi thường cho chị Phạm Thị Minh số tiền 11.000.000 (Mười một triệu) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi suất của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về vật chứng:

- Trả lại cho chị Nguyễn Ngọc Thê 01 (một) xe mô tô hiệu Honda Lead, số khung 0030310, số máy 021378, biển số 67C1-160.81, đã qua sử dụng.

- Tiêu hủy 01 (một) cây đoản tự chế bằng kim loại, một đầu đẹp và 01 (một) gậy 03 khúc, đây là vật dùng vào việc phạm tội nhưng không có giá trị sử dụng.

- Trả lại cho bị cáo Nghĩa 01 (một) điện thoại di động LV102, màu xanh đen, số Imel: 842017102056633 đã qua sử dụng, là tài sản cá nhân của bị cáo.

4. **Về án phí:** Căn cứ Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Các bị cáo T, Nghĩa, mỗi người phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và mỗi người phải chịu phải chịu 275.000 (Hai trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Thời hạn kháng cáo đối với bản án sơ thẩm là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị hại vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND H.Châu Thành;
- THADS H.Châu Thành;
- CA huyện Châu Thành;
- Nhà tạm giữ Châu Thành;
- Thi hành án hình sự;
- Người TGTT;

Nguyễn Quốc Hùng